

Số: 02/2022/QĐST-DS

Tam Bình, ngày 18 tháng 8 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH
SƠ THẨM GIẢI QUYẾT VIỆC DÂN SỰ
V/v tuyên bố một người có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TAM BÌNH, TỈNH VĨNH LONG

Thành phần giải quyết việc dân sự gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên họp: Ông Cao Minh Tân.

Thư ký phiên họp: Bà Nguyễn Thị Ngọc Ánh - Thư ký Tòa án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tam Bình tham gia phiên họp:
Bà Trần Thúy Liễu - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 8 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tam Bình, tỉnh Vĩnh Long mở phiên họp sơ thẩm công khai giải quyết việc dân sự thụ lý số 114/2022/TLST-DS ngày 22 tháng 7 năm 2022 về việc “*Tuyên bố một người có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi*” theo Quyết định mở phiên họp sơ thẩm giải quyết việc dân sự số 112/2022/QĐST-DS ngày 01 tháng 8 năm 2022, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

- ***Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:*** Cụ Huỳnh Thị H1, sinh năm 1944; địa chỉ ấp Y, xã P, huyện B1, tỉnh Vĩnh Long (Có mặt).

- ***Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:***

1. Cụ Ngô Văn M, sinh năm 1945 (Có mặt).

2. Ông Ngô Văn B2, sinh năm 1968 (Có mặt).

3. Bà Ngô Thị H2, sinh năm 1972 (Vắng mặt).

4. Ông Ngô Văn L, sinh năm 1974 (Vắng mặt).

Cùng địa chỉ: Ấp Y, xã P, huyện B1, tỉnh Vĩnh Long.

5. Ông Ngô Văn T, sinh năm 1970; địa chỉ Số 65/4A, đường Đ, phường C, quận K, Thành phố Cần Thơ (Vắng mặt).

NỘI DUNG VIỆC DÂN SỰ:

Tại các đơn yêu cầu ngày 10 tháng 6 năm 2022, ngày 22 tháng 6 năm 2022 và trong quá trình phiên họp, người yêu cầu giải quyết việc dân sự cụ Huỳnh Thị H1 trình bày:

Cụ Huỳnh Thị H1 và cụ Ngô Văn M là vợ chồng hợp pháp (hôn nhân thực tế, chung sống từ năm 1967 đến nay nhưng chưa đăng ký kết hôn), có với

nhau 04 người con chung gồm ông Ngô Văn B2, ông Ngô Văn T, bà Ngô Thị H2, ông Ngô Văn L, không có con riêng hoặc con nuôi nào khác.

Trong quá trình chung sống:

- Hai cụ tạo lập được khối tài sản chung gồm: Thửa đất số 383 - diện tích 13.070 m² - loại đất ruộng 2 vụ lúa, thửa đất số 384 - diện tích 490 m² - loại đất lâu năm khác, cùng tờ bản đồ số 05 đứng tên cụ M theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất phát hành số D 07XXX10 vào sổ số 23X25 do Ủy ban nhân dân huyện B1 cấp ngày 25/3/1995 và thửa đất số 79 - tờ bản đồ số 35 - diện tích 4.223,7 m² - loại đất trồng cây lâu năm đứng tên hộ cụ H1 và cụ M theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất phát hành số BG 87XX75 vào sổ số CH03X99 do Ủy ban nhân dân huyện B1 cấp ngày 13/01/2012. Các thửa đất cùng địa chỉ ấp Y, xã P, huyện B1, tỉnh Vĩnh Long.

- Tháng 01/2011, cụ M mắc bệnh tâm thần phân liệt được điều trị dài hạn tại Bệnh viện Tâm thần tỉnh Vĩnh Long đến nay bệnh có thuyên giảm nhưng không khỏi. Hiện cụ M đang điều trị ngoại trú tâm thần, có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi, mọi sinh hoạt phải có người thân trợ giúp, được xác nhận khuyết tật và nhận trợ cấp xã hội hàng tháng.

Do bản thân hai cụ đã lớn tuổi, cụ M có nguyện vọng chia đất cho các con. Nên cụ H1 họp bàn với ông B2, ông T, bà H1, ông L phân chia đất tại các thửa số 383, 384, 79 cho các con trên thực địa và làm thủ tục tặng cho quyền sử dụng đất. Tuy nhiên, vì cụ M bị bệnh tâm thần phân liệt nên không thực hiện được thủ tục tặng cho theo quy định của pháp luật.

Để đảm bảo quyền và lợi ích của cụ M. Nay cụ H1 yêu cầu Tòa án giải quyết: Tuyên bố cụ M có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi, chỉ định cụ H1 làm người giám hộ cho cụ M và cử ông B2 làm người giám sát việc giám hộ.

Tại các bản tự khai ngày 21 tháng 7 năm 2022, bản khai ý kiến và đề nghị giải quyết vắng mặt tại phiên họp ngày 02 tháng 8 năm 2022, văn bản thỏa thuận về việc chỉ định người giám hộ và cử người giám sát việc giám hộ ngày 02 tháng 8 năm 2022 của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Ngô Văn B2, ông Ngô Văn T, bà Ngô Thị H2, ông Ngô Văn L và trong quá trình phiên họp ông B2 trình bày:

Thông nhất lời trình bày của cụ H1 các vấn đề về quan hệ gia đình; quyền sử dụng đất tại các thửa đất số 383, 384 và 79 là tài sản chung của cụ Mãng và cụ Huyền; thời điểm cụ M phát bệnh tâm thần phân liệt nhưng điều trị không khỏi; hiện cụ M đang điều trị ngoại trú tâm thần, có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi, mọi sinh hoạt thường ngày phải có người thân trợ giúp, được xác nhận khuyết tật và nhận trợ cấp xã hội hàng tháng.

Nay các đương sự có ý kiến: Đề đảm bảo quyền và lợi ích của cụ M, đề nghị Tòa án giải quyết tuyên bố cụ M có khó khăn trong nhận thức, làm chủ

hành vi, chỉ định cụ H1 làm người giám hộ cho cụ M và cử ông B2 làm người giám sát việc giám hộ.

Ông T, bà H2, ông L đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt tại phiên họp.

Tại kết luận giám định pháp y tâm thần số 183/2022/KLGĐYC ngày 21 tháng 6 năm 2022 của Trung tâm Pháp y Tâm thần khu vực Tây Nam Bộ, kết luận về tình trạng tinh thần đối với cụ Ngô Văn M như sau:

- Về y học: Hiện tại, đương sự có bệnh lý tâm thần: Tâm thần phân liệt thể không biệt định (F20.3 - ICD10), giai đoạn bệnh thuyên giảm.

- Về năng lực: Hiện tại, đương sự có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi.

Tại phiên họp sơ thẩm:

Cụ Ngô Văn M trình bày: Hiện tại hàng tháng cụ được gia đình đưa đến bệnh viện tâm thần ở Vĩnh Long để khám bệnh, nhận thuốc uống, mọi sinh hoạt thường ngày được người thân trợ giúp. Theo nhận thức của bản thân, cụ biết mình đã lớn tuổi, sợ bệnh trở nặng, muốn chia đất của vợ chồng cho các con. Nên cụ và cụ H1 đã phân chia đất cho các con trên thực tế nhưng chưa làm được giấy tờ. Với nhận thức hiện tại, cụ đồng ý yêu cầu của cụ H1 và ý kiến của các con, đồng ý cụ H1 là vợ làm người giám hộ cho cụ, đồng ý ông B2 là con trai cả làm người giám sát việc giám hộ để đảm bảo quyền và lợi ích của cụ khi thực hiện thủ tục tặng cho quyền sử dụng đất đã chia cho các con.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến của Viện kiểm sát:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Thông qua kiểm sát việc giải quyết việc dân sự từ khi thụ lý đến thời điểm hiện nay thấy rằng Thẩm phán, Thư ký phiên họp và các đương sự đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự, không có vi phạm.

Về việc giải quyết việc dân sự: Trên cơ sở nội dung việc dân sự, lời trình bày của đương sự, kết luận giám định pháp y tâm thần số 183/2022/KLGĐYC ngày 21/6/2022 của Trung tâm Pháp y Tâm thần khu vực Tây Nam Bộ, các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ việc dân sự được thẩm tra tại phiên họp đã được Kiểm sát viên nhận định, phân tích, cùng với điều luật viện dẫn đề nghị áp dụng như trong văn bản phát biểu ý kiến. Đề nghị Tòa án chấp nhận yêu cầu của cụ H1 và chấp nhận ý kiến đề nghị của cụ M, ông B2, ông T, bà H2, ông L giải quyết:

- Về nội dung: Tuyên bố cụ M có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi. Chỉ định cụ H1 làm người giám hộ cho cụ M và cử ông B2 làm người giám sát việc giám hộ.

- Về lệ phí sơ thẩm giải quyết việc dân sự: Xét cụ H1 là người cao tuổi có đơn miễn nộp tạm ứng lệ phí và lệ phí Tòa án hợp lệ, đã được Tòa án xét miễn nộp tạm ứng lệ phí, yêu cầu của cụ H1 được chấp nhận. Nên miễn cho cụ H1 không phải nộp lệ phí số tiền 300.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ việc dân sự được thẩm tra tại phiên họp; ý kiến của các đương sự và đại diện Viện kiểm sát tại phiên họp, Tòa án nhân dân huyện Tam Bình nhận định:

- Về tố tụng:

[1] Về yêu cầu và thẩm quyền giải quyết: Theo nội dung đơn yêu cầu, căn cứ vào khoản 1 Điều 27, điểm a khoản 2 Điều 35, điểm a khoản 2 Điều 39, khoản 1 Điều 376, Điều 378 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án xác định đây là yêu cầu dân sự về việc tuyên bố một người có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi, có chỉ định người giám hộ và cử người giám sát việc giám hộ; việc dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tam Bình.

[2] Về thủ tục phiên họp: Xét tại phiên họp ông T, bà H2, ông L vắng mặt có đề nghị giải quyết vắng mặt. Căn cứ vào khoản 3 Điều 367 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án giải quyết vắng mặt các đương sự theo thủ tục chung.

- Về nội dung:

[1] Về yêu cầu tuyên bố cụ M có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi: Theo lời trình bày của các đương sự; các tài liệu gồm Sổ điều trị ngoại trú tâm thần của Bệnh viện Tâm thần tỉnh Vĩnh Long, Sổ lĩnh tiền trợ cấp xã hội hàng tháng của Phòng Lao động Thương binh và Xã hội huyện B1, Giấy xác nhận khuyết tật của Ủy ban nhân dân xã P thì cụ M là người có bệnh lý về tâm thần thuộc diện điều trị bệnh dài hạn, được nhận trợ cấp xã hội hàng tháng đối với người khuyết tật. Xét nội dung kết luận giám định pháp y tâm thần số 183/2022/KLGDYC ngày 21/6/2022 của Trung tâm Pháp y Tâm thần khu vực Tây Nam Bộ kết luận “tại thời điểm giám định cụ M có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi” là phù hợp với biểu hiện và ý kiến của cụ M tại phiên họp. Đủ cơ sở kết luận cụ M là người có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi nhưng chưa đến mức mất năng lực hành vi dân sự. Căn cứ vào Điều 23 Bộ luật Dân sự, Tòa án giải quyết:

[1.1] Tuyên bố cụ M có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi.

[1.2] Khi không còn căn cứ tuyên bố cụ M có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi thì cụ M hoặc người có quyền, lợi ích liên quan hoặc cơ quan, tổ chức hữu quan có quyền yêu cầu Tòa án ra quyết định hủy bỏ quyết định tuyên bố cụ M có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi theo quy định của pháp luật.

[2] Về việc chỉ định cụ H1 làm người giám hộ cho cụ M, xác định quyền và nghĩa vụ của người giám hộ: Xét yêu cầu của cụ H1 được cụ M đồng ý, được ông B2, ông T, bà H2, ông L thống nhất. Căn cứ vào khoản 1 Điều 23, Điều 46, điểm d khoản 1 Điều 47, Điều 49, khoản 4 Điều 54 Bộ luật Dân sự, Tòa án giải quyết:

[2.1] Chỉ định cụ H1 làm người giám hộ cho cụ M.

[2.2] Cụ H1 phải đăng ký việc giám hộ tại cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định của pháp luật về hộ tịch.

[2.3] Trong thời gian giám hộ, cụ H1 có các quyền và phải thực hiện các nghĩa vụ được quy định tại khoản 2 Điều 57, khoản 2 Điều 58, khoản 2 Điều 59 Bộ luật Dân sự.

[3] Về việc cử ông B2 làm người giám sát việc giám hộ, quyền và nghĩa vụ của người giám sát việc giám hộ: Xét việc giám hộ có liên quan đến quản lý tài sản của cụ M; nội dung thỏa thuận về việc cử ông B2 làm người giám sát việc giám hộ của cụ H1, ông B2, ông T, bà H, ông L được cụ M, ông B2 đồng ý. Căn cứ vào khoản 1 và khoản 3 Điều 51 Bộ luật Dân sự, Tòa án giải quyết:

[3.1] Ghi nhận sự thỏa thuận của các đương sự thống nhất cử ông B2 làm người giám sát việc giám hộ liên quan đến quản lý tài sản của cụ M.

[3.2] Ông B2 phải đăng ký giám sát việc giám hộ tại Ủy ban nhân dân xã P.

[3.3] Trong thời gian giám sát việc giám hộ, ông B2 có các quyền và phải thực hiện các nghĩa vụ được quy định tại khoản 4 Điều 51 Bộ luật Dân sự.

[4] Từ những phân tích và điều luật viện dẫn áp dụng tại các mốc đơn [1], [2] “*Về tố tụng*” và các mốc đơn [1], [2] “*Về nội dung*”, Tòa án chấp nhận đề nghị của Viện kiểm sát, chấp nhận yêu cầu của cụ H1, chấp nhận ý kiến đề nghị của cụ M, ông B2, ông T, bà H2, ông L giải quyết theo hướng đã nhận định như trên.

- ***Về lệ phí sơ thẩm giải quyết việc dân sự:*** Xét yêu cầu của cụ H1 được chấp nhận; bản thân cụ H1 là người cao tuổi, trước khi thụ lý việc dân sự cụ Huyện có đơn miễn nộp tạm ứng lệ phí và lệ phí hợp lệ đã được Tòa án miễn nộp tạm ứng lệ phí. Căn cứ vào khoản 2 Điều 146, khoản 1 Điều 149 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 2 Luật Người cao tuổi; áp dụng khoản 2 Điều 12, Điều 14, khoản 1 và khoản 5 Điều 16 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, kèm theo danh mục án phí, lệ phí Tòa án, Tòa án giải quyết miễn cho cụ H1 không phải nộp lệ phí số tiền 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 27, điểm a khoản 2 Điều 35, điểm a khoản 2 Điều 39, khoản 2 Điều 146, khoản 1 Điều 149, khoản 3 Điều 367, khoản 1 Điều 376, Điều 378 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 23, Điều 46, điểm d khoản 1 Điều 47, Điều 49, khoản 1 và khoản 3 Điều 51, khoản 4 Điều 54 Bộ luật Dân sự; Điều 2 Luật Người cao tuổi.

- Áp dụng khoản 2 Điều 12, Điều 14, khoản 1 và khoản 5 Điều 16 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban

Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, kèm theo danh mục án phí, lệ phí Tòa án.

Giải quyết:

1. Về nội dung: Chấp nhận yêu cầu của cụ Huỳnh Thị H1, ý kiến của cụ Ngô Văn M, đề nghị của ông Ngô Văn B2, ông Ngô Văn T, bà Ngô Thị H2, ông Ngô Văn L.

1.1. Tuyên bố cụ Ngô Văn M có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi.

1.2. Về việc chỉ định người giám hộ, đăng ký việc giám hộ, xác định quyền và nghĩa vụ của người giám hộ:

1.2.1. Chỉ định cụ Huỳnh Thị H1 làm người giám hộ cho cụ Ngô Văn M.

1.2.2. Cụ Huỳnh Thị H1 phải đăng ký việc giám hộ tại cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định của pháp luật về hộ tịch.

1.2.3. Trong thời gian giám hộ, cụ Huỳnh Thị H1 có các quyền và phải thực hiện các nghĩa vụ được quy định tại khoản 2 Điều 57, khoản 2 Điều 58, khoản 2 Điều 59 của Bộ luật Dân sự.

1.3. Về việc cử người giám sát việc giám hộ, đăng ký giám sát việc giám hộ, quyền và nghĩa vụ của người giám sát việc giám hộ:

1.3.1. Ghi nhận sự thỏa thuận của các đương sự thống nhất cử ông Ngô Văn B2 làm người giám sát việc giám hộ liên quan đến quản lý tài sản của cụ Ngô Văn M.

1.3.2. Ông Ngô Văn B2 phải đăng ký giám sát việc giám hộ tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện B1, tỉnh Vĩnh Long.

3.1.3. Trong thời gian giám sát việc giám hộ, ông Ngô Văn B2 có các quyền và phải thực hiện các nghĩa vụ được quy định tại khoản 4 Điều 51 Bộ luật Dân sự.

1.4. Khi không còn căn cứ tuyên bố cụ Ngô Văn M có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi thì cụ Mãng hoặc người có quyền, lợi ích liên quan hoặc cơ quan, tổ chức hữu quan có quyền yêu cầu Tòa án ra quyết định hủy bỏ quyết định tuyên bố cụ M có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi theo quy định của pháp luật.

2. Về lệ phí sơ thẩm giải quyết việc dân sự: Miễn cho cụ Huỳnh Thị H không phải nộp lệ phí số tiền 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng.

3. Về quyền kháng cáo, kháng nghị: Phiên họp được mở công khai. Có mặt cụ Huỳnh Thị H1, cụ Ngô Văn M, ông Ngô Văn B2; vắng mặt ông Ngô Văn T, bà Ngô Thị H2, ông Ngô Văn L. Báo cho cụ H1, cụ M, ông B2 có mặt biết có quyền kháng cáo quyết định giải quyết việc dân sự trong thời hạn 10 (Mười) ngày kể từ ngày Tòa án ra quyết định để Tòa án cấp trên giải quyết theo thủ tục phúc thẩm; riêng ông T, bà H2, ông L vắng mặt thì thời hạn trên được

tính kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết. Viện kiểm sát cùng cấp có quyền kháng nghị quyết định giải quyết việc dân sự trong thời hạn 10 (Mười) ngày, Viện kiểm sát cấp trên có quyền kháng nghị trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày, kể từ ngày Tòa án ra quyết định.

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN HỌP

Nơi nhận:

- VKSND huyện Tam Bình: 02;
- NYC + NLQ: 06;
- CCTHADS huyện Tam Bình: 01;
- UBND xã P: 01;
- Lưu hồ sơ việc dân sự: 01;
- Lưu án văn: 06.

(Đã ký)

Cao Minh Tân